3. Bộ Cá mập – *Carcharhiniformes*

Họ Cá nhám mèo - *Scyliorhinidae*

264. Tên khoa học : ***Cephaloscyllium umbratile*** Jordan & Fowler, 1903.

Tên Việt Nam : **Cá nhám lông nhung**

Họ **Cá nhám mèo - Scyliorhinidae** *Bộ* **Cá mập – Carcharhiniformes**

Phân hạng : **EN** A1a,d C2a

Cơ sở phân hạng: Loài cá sụn, kích thước trung bình (có thể đến 78cm), số lượng rất ít (ước tính dưới 250 cá thể trưởng thành) sống đáy, bơi lội chậm chạp dễ sa lưới đáy, đang ở tình trạng nguy cấp.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Bình Định, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Triều Tiên, Nhật Bản, Trung Quốc, Ôxtrâylia.

Tài liệu dẫn : 1, 6, 12, 21, 23.

4. Bộ Cá nhám góc - *Squaliformes*

Họ Cá nhám góc - *Squalidae*

265. Tên khoa học: ***Etmopterus lucifer*** Jordan & Snyder, 1902

Tên Việt Nam: **Cá nhám nâu**

Họ **Cá nhám góc - Squalidae** *Bộ* **Cá nhám góc - Squaliformes**

Phân hạng: **EN** A1a,d D

Cơ sở phân hạng: Loài cá sụn sống đáy rất ít gặp, bơi lội chậm chạp nên dễ bị lưới giã quét được. Quần thể dự đoán dưới 250 cá thể trưởng thành.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hoà, Bình Thuận.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Philippin, Inđônêxia, Ôxtrâylia, Tây Nam Đại Tây Dương.

Tài liệu dẫn : 1, 6, 12.

5. Bộ Cá đao - *Pristiformes*

Họ Cá đao - *Pristidae*

266. Tên khoa học : ***Pristis cuspidatus*** Latham, 1794.

Tên Việt Nam : **Cá đao răng nhọn**

Họ **Cá đao - Pristidae** *Bộ* **Cá đao - Pristiformes**

Phân hạng : **EN** A1a,d D

Cơ sở phân hạng: Loài cá sụn sống đáy, hình dáng khá đặc biệt dài đến 550cm, đối tượng bị săn lùng và đánh bắt, nhưng rất ít gặp. Số lượng quần thể dự đoán dưới 250 cá thể trưởng thành.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hoà, Bình Thuận, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản, Philippin, Inđônêxia, Thái Lan, Biển Đỏ, Ấn Độ, vịnh Persic.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 6, 12, 23.

267. Tên khoa học: **Pristis microdon** Latham, 1794.

Tên Việt Nam : **Cá đao răng nhỏ**

Họ **Cá đao - Pristidae** *Bộ* **Cá đao - Pristiformes**

Phân hạng : **EN** A1a D

Cơ sở phân hạng: Loài cá sụn sống đáy rất ít gặp; hình dáng khá đặc biệt dài đến 656cm, là một trong những đối tượng săn bắt của nghề lưới giã nhưng rất ít gặp nên còn thiếu thông tin về số lượng, quần thể dự đoán dưới 250 cá thể trưởng thành.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hoà, Bình Thuận, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Inđônêxia, Campuchia, Thái Lan, Ôxtrâylia, Ấn Độ, Biển Đỏ, Đại Tây Dương.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 6, 12, 28.

6. Bộ Cá giống - *Rhynchobatiformes*

Họ Cá giống - *Rhinobatidae*

268. Tên khoa học : ***Rhina ancylostoma*** Bloch & Schneider, 1801.

Tên Việt Nam : **Cá giống mõm tròn**

Họ **Cá giống - Rhinobatidae** *Bộ* **Cá giống - Rhynchobatiformes**

Phân hạng : **EN** A1a,d C2a

Cơ sở phân hạng: Loài rất quý hiếm ở biển Việt Nam (từ 1956 - 2000 mới bắt gặp 5 cá thể). Sống sát đáy, dễ bị lưới giã quét được. Dự đoán trong vùng biển có số lượng dưới 250 cá thể trưởng thành. Quần thể bị chia cắt, mỗi tiểu quần thể dưới 250 cá thể.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hoà, Bình Thuận, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản, Philippin, Inđônêxia, Ôxtrâylia, Thái Lan, vịnh Persian, Đông châu Phi.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 6, 12, 37.

7. Bộ Cá đuối điện - *Torpediniformes*

Họ Cá đuối điện hai vây lưng - *Torpedinidae*

269. Tên khoa học: ***Narcine tonkinensis*** Nguyen, 1970.

Tên Việt Nam: **Cá đuối điện bắc bộ**

Họ **Cá đuối điện hai vây lưng - *Torpedinidae*** *Bộ* **Cá đuối điện - Torpediniformes**

Phân hạng: **VU** C2b

Cơ sở phân hạng: Loài cá đáy rất hiếm gặp chỉ mới gặp ở vịnh Bắc Bộ, thường bị khai thác lẫn với các loài cá đáy khác bằng lưới giã cào. Những năm gần đây không gặp lại nữa, có nguy cơ bị tuyệt chủng và rất khó có biện pháp để bảo vệ.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ.

- *Thế giới:* Chưa rõ

Tài liệu dẫn: 6, 12.

8. Bộ Cá toàn đầu - *Chimaeriformes*

Họ Cá toàn đầu - *Chimaeridae*

270. Tên khoa học: ***Chimaera phantasma*** Jordan & Snyder, 1900.

Tên Việt Nam: **Cá toàn đầu**.

Họ **Cá toàn đầu - Chimaeridae** *Bộ* **Cá toàn đầu - Chimaeriformes**

Phân hạng : **DD**

Cơ sở phân hạng: Loài cá duy nhất thuộc phân lớp Cá toàn đầu (Holocephali) trong lớp cá sụn (Chondrichthyes), sống ở đáy vùng biển tương đối sâu nên rất hiếm gặp. Tuy nhiên còn thiếu thông tin về số lượng và phân bố.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc, Philippin.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 6, 12, 21.

9. Bộ Cá cháo biển - *Elopiformes*

Họ Cá cháo biển - *Elopdidae*

271. Tên khoa học: ***Elops saurus*** Linnaeus, 1766.

Tên Việt Nam: **Cá cháo biển**

Họ **Cá cháo biển - Elopdidae** *Bộ* **Cá cháo biển - Elopiformes**

Phân hạng: **VU** C1

Cơ sở phân hạng: Loài sống chủ yếu ở ven bờ, ven đảo và cửa sông, thịt ngon rất được ưa chuộng, nhưng số lượng rất ít, thường chỉ khai thác lẻ tẻ bằng lưới vo lẫn với các loài cá khác, những năm gần đây rất hiếm gặp. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Nam Định, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Thái Lan, Xri Lanca, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Ôxtrâylia, Ấn Độ, Nam Phi.

Tài liệu dẫn: 1, 6, 7, 35, 37, 42, 56.

Họ Cá cháo lớn - *Megalopidae*

272. Tên khoa học: ***Megalops cyprinoides*** (Broussnet, 1782).

Tên Việt Nam: **Cá cháo lớn**

Họ **Cá cháo lớn - Megalopidae** *Bộ* **Cá cháo biển - Elopiformes**

Phân hạng: **VU** A1d C1

Cơ sở phân hạng: Loài sống chủ yếu ở ven bờ, ven đảo và cửa sông, thịt ngon, rất được ưa chuộng, nhưng số lượng ít, những năm gần đây rất hiếm gặp, có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Nam Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Trung Quốc, Campuchia, Ôxtrâylia, Micronêxia, Polynêxia, Ấn Độ, Xri Lanca, Đông Phi.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 13, 35, 37, 38, 42, 44, 46, 49, 56.

Họ Cá mòi đường - *Albulidae*

273. Tên khoa học: ***Albula vulpes*** (Linnaeus, 1758)

Tên Việt Nam: **Cá mòi đường**

Họ **Cá mòi đường - Albulidae** *Bộ* **Cá cháo biển - Elopiformes**

Phân hạng: **VU** A1d C1

Cơ sở phân hạng: Loài sống chủ yếu ở ven bờ, ven đảo và cửa sông, thịt ngon rất được ưa chuộng, nhưng số lượng ít, những năm gần đây rất hiếm gặp, có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Nam Định, Khánh Hoà, Bình Thuận, Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Inđônêxia, Malaixia, Ấn Độ, Philippin, Ôxtrâylia, Polynêxia, Micronêxia.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 13, 35, 37, 42, 46, 56.

10. Bộ Cá sữa – *Goorhynchiformes*

Họ Cá măng biển - *Chanidae*

274. Tên khoa học: ***Chanos chanos*** (Forskal, 1775).

Tên Việt Nam: **Cá măng sữa**.

Họ **Cá măng biển - Chanidae** *Bộ* **Cá sữa – Goorhynchiformes**

Phân hạng: **VU** A1d.

Cơ sở phân hạng: Cá thân hình lớn, phân bố phổ biến ở biển và các cửa sông nên dễ bị đánh bắt, đặc biệt phôi và cá con tử vong rất cao do cường độ khai thác ngày càng tăng. Biện pháp đánh bắt hải sản bằng chất nổ, chất độc gây ô nhiễm làm chết hàng loại cá giống. Dự đoán trong 10 năm tới số lượng giảm ít nhất 20%.

Phân bố:

- *Trong nước:* Ven biển từ Nghệ An đến Bình Thuận.

- *Thế giới:* Phân bố rộng trong vùng Ấn Độ - Thái Bình Dương, Đông Phi.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 13.

11. Bộ Cá trích - *Clupeiforme*

Họ Cá trích - *Clupeidae*

275. Tên khoa học: ***Anodontosma chacunda*** (Hamilton, 1822).

Tên Việt Nam: **Cá mòi không răng**.

Họ **Cá trích - Clupeidae** *Bộ* **Cá trích - Clupeiformes**

Phân hạng: **VU** A1d C1

Cơ sở phân hạng: Là loài cá nổi sống thành đàn ở cửa sông và ven biển, trước năm 1950-1960 là nguồn lợi đáng kể ở cửa sông Hồng và Nam Trung Bộ, thịt ngon, đến nay số lượng ít, có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Khánh Hoà, Bình Thuận, Cà Mau, Kiên Giang.

- *Thế giới:* Vịnh Persic, Ấn Độ, Xri Lanca, Ôxtrâylia, Calodenia, Niu Calêđêni, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 13, 35, 37, 42, 46, 56.

276. Tên khoa học: ***Konosirus punctatus*** (Temminsck and Schlegel, 1846).

Tên Việt Nam: **Cá mòi cờ chấm**

Họ **Cá trích - Clupeidae** *Bộ* **Cá trích - Clupeiformes**

Phân hạng: **VU** A1d

Cơ sở phân hạng: Loài cá sống tầng mặt, số lượng ngày càng suy giảm, dự đoán giảm trên 20%

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, vùng cửa sông thuộc hệ thống sông Hồng, Thanh Hoá, sông Đà, sông Lô, sông Mã và sông Lam.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Ấn Độ, Inđônêxia, Thái Lan, Nhật Bản.

Tài liệu dẫn: 18, 20.

277. Tên khoa học: ***Nematalosa nasus*** (Bloch, 1795).

Tên Việt Nam: **Cá mòi mõm tròn**.

Họ **Cá trích - Clupeidae** *Bộ* **Cá trích - Clupeiformes**

Phân hạng: **VU** A1c,d,e C1

Cơ sở phân hạng: Loài cá sống thành đàn lớn ven biển Nam Trung Bộ, thịt ngon làm nước mắm tốt, hiện nay hiếm gặp, có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Vũng Tàu, Cà Mau, Kiên Giang.

- *Thế giới:* Biển Arập, Nam Châu Phi, Ấn Độ, Xri Lanca, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Malaixia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 13, 37, 42, 46, 49, 56.

12. Bộ Cá dạng voi - *Centomimiformes*

Họ Cá nòng nọc - *Ateleopidae*

278. Tên khoa học: ***Ateleopus japonicus*** Bleeker, 1842.

Tên Việt Nam: **Cá nòng nọc nhật bản**

Họ **Cá nòng nọc - Ateleopidae** *Bộ* **Cá dạng voi - Centomimiformes**

Phân hạng: **EN** A1d D

Cơ sở phân hạng : Loài rất quý hiếm, mới thu được một mẫu lưu trữ tại Viện Hải dương học Nha Trang. Số lượng quần thể dự đoán dưới 1000 cá thể trưởng thành.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 13, 21, 28.

13. Bộ Cá dây - *Zeiformes*

Họ Cá dây - *Zeidae*

279. Tên khoa học: ***Cyttopsis cypho*** Fowler, 1934.

Tên Việt Nam: **Cá dây lưng gù**

Họ **Cá dây - Zeidae** *Bộ* **Cá dây - Zeiformes**

Phân hạng: **EN** A1d D

Cơ sở phân hạng: Là loài cá đáy hiếm gặp, thường bị khai thác lẫn với các loài cá khác bằng lưới giã cào. Những năm gần đây không gặp lại nữa, có nguy cơ bị tuyệt chủng, thông tin về loài này rất ít.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ.
- *Thế giới:* Nhật Bản, Inđônêxia, Philippin, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 15, 37, 42.

280. Tên khoa học: ***Zeus faber*** (Linnaeus, 1758).

Tên Việt Nam: **Cá dây nhật bản**

Họ **Cá dây- Zeidae** *Bộ* **Cá dây - Zeiformes**

Phân hạng: **EN** A1a D

Cơ sở phân hạng: Loài cá đáy hiếm gặp, thường bị khai thác lẫn với các loài cá khác, những năm gần đây ít gặp có nguy cơ bị tuyệt chủng, thông tin về loài này còn rất ít.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ.
- *Thế giới:* Ấn Độ Dương, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 15, 37, 38, 49.

14. Bộ Cá cờ mặt trăng - *Lampridiformes*

Họ Cá cờ mặt trăng - *Veliferidae*

281. Tên khoa học: ***Velifer hypselopterus*** Bleeker, 1879.

Tên Việt Nam: **Cá cờ mặt trăng**.

Họ **Cá cờ mặt trăng - Veliferidae** *Bộ* **Cá cờ mặt trăng - Lampridiformes**

Phân hạng: **DD**

Cơ sở phân hạng: Là loài cá đáy rất hiếm gặp, những năm gần đây không gặp lại, có nguy cơ bị tuyệt chủng. Hiện còn thiếu thông tin về số lượng và phân bố.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Miền Trung.
- *Thế giới:* Đông châu Phi, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Nhật Bản, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 15, 37, 49.

15. Bộ Cá gai - *Gasterosteiformes*

Họ Cá kèn - *Aulostomidae*

282. Tên khoa học: ***Aulostomus chinensis*** (Linnaeus, 1766).

Tên Việt Nam: **Cá kèn trung quốc**

Họ **Cá kèn - Aulostomidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **EN** A1B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Là loài cá sống ở vùng cửa sông, ven đảo gần và vùng có thực vật thủy sinh, số lượng rất ít, là đối tượng săn bắt có nguy cơ bị tiêu diệt. Diện tích phân bố ước tính dưới 5000km^2.

Phân bố:

- *Trong nước:* Miền Trung (Đà Nẵng đến Khánh Hòa).
- *Thế giới:* Ôxtrâylia, Inđônêxia, Philippin, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 35, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 52.

Họ Cá dao cạo - *Solenostomidae*

283. Tên khoa học: ***Solenostomus paradoxus*** (Pallas, 1870).

Tên Việt Nam: **Cá dao cạo**

Họ **Cá dao cạo - Solenostomidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **EN** D

Cơ sở phân hạng: Là loài cá sống vùng cửa sông trong các vùng thực vật thuỷ sinh, hình dạng đặc biệt, số lượng rất ít, đến nay hầu như không gặp lại, có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Khánh Hoà,
- *Thế giới:* Đông châu Phi, Mauritius, Maldives, Nhật Bản, Inđônêxia

Tài liệu dẫn: 1, 43, 47, 49, 52.

Họ Cá chìa vôi - *Syngnathidae*

284. Tên khoa học: ***Doryrhamphus dactyliophorus*** (Bleeker, 1853).

Tên Việt Nam: **Cá chìa vôi khoang vằn**

Họ Cá chìa vôi - Syngnathidae *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b+ 3c

Cơ sở phân hạng: Là loài cá chỉ sống ở rạn san hô, có số lượng rất ít. Là đối tượng săn lùng làm cá cảnh, đến nay rất hiếm gặp, có nguy cơ bị tiêu diệt.

Phân bố:

- *Trong nước:* Khánh Hoà.
- *Thế giới:* Đông châu Phi, Biển Đỏ, Ôxtrâylia, Papua Niu Ghinê, Niu Kalêđôni, Micronexia, Philippin, Trung Quốc, Nhật Bản.

Tài liệu dẫn: 1, 2, 43, 47, 49.

285. Trên khoa học: ***Doryrhamphus exciscus*** Kaup, 1856.

Tên Việt Nam: **Cá chìa vôi sọc xanh**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **VU** A1a,d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Là loài cá chỉ sống ở rạn san hô, có số lượng rất ít. Có thể nuôi làm cá cảnh, là đối tượng săn bắt. Đến nay rất hiếm gặp, có nguy cơ bị tiêu diệt.

Phân bố:

- *Trong nước:* Khánh Hòa.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Đông châu Phi, Mauritius, Inđônêxia, Papua Niu Ghinê.

Tài liệu dẫn: 1, 2, 43, 47, 49.

286. Tên khoa học: ***Hippocampus histrix*** Kaup, 1856.

Tên Việt Nam: **Cá ngựa gai**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **VU** A1c,d C1

Cơ sở phân hạng: Loài cá dược liệu đang bị khai thác triệt để, quần thể có mức giảm ít nhất 20%/ năm, dự đoán hiện còn dưới 10.000 cá thể trưởng thành, nguy cơ cạn kiện nguồn lợi không còn xa, cần bảo vệ nghiêm ngặt.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản, Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Haoai, Zanzibar, Biển Đỏ, Tahiti, Philippin.

Tài liệu dẫn : 1, 3, 7, 23, 27.

287. Tên khoa học : ***Hippocampus japonicus*** Kaup,1856

Tên Việt Nam: **Cá ngựa nhật**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **EN** C1

Cơ sở phân hạng : Loài cá có giá trị dược liệu cao nhưng số lượng ít; dự đoán dưới 2500 cá thể trưởng thành và giảm trên 20%/năm do cường độ đánh bắt tăng. Đang có nguy cơ cạn kiệt.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hoà, Bình Thuận.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 7, 37.

288. Tên khoa học: ***Hippocampus kuda*** Bleeker, 1852.

Tên Việt Nam: **Cá ngựa đen**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **EN** A1d C1

Cơ sở phân hạng: Là loài cá có giá trị dược liệu cao đang bị khai thác triệt để, số lượng giảm ước tính trên 20%/năm, dự đoán quần thể dưới 2500 cá thể trưởng thành. Có nguy cơ cạn kiệt nguồn lợi trong tương lai không xa.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Đà Nẵng đến Bà Rịa - Vũng Tàu - Côn Đảo, Kiên Giang.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản, Philippin, Malaixia, Papua Niu Ghinê, Haoai, Ôxtrâylia, Ấn Độ Dương.

Tài liệu dẫn: 1, 3, 7, 23, 24, 26.

289. Tên khoa học: ***Hippocampus trimaculatus*** Leach, 1814.

Tên Việt Nam: **Cá ngựa chấm**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng : **EN** A1d C1

Cơ sở phân hạng : Loài cá có giá trị dược liệu cao nhưng số lượng tự nhiên rất ít, dự đoán dưới 2500 cá thể. Do đánh bắt mạnh nên mức giảm tới trên 20%. Đang có nguy cơ cạn kiệt.

Phân bố:

- Trong nước: Vịnh Bắc Bộ, dọc các tỉnh Trung Bộ.

- Thế giới: Trung Quốc, Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, biển Andaman, Zanzibar.

Tài liệu dẫn : 1, 3, 7, 23, 27, 52.

290. Tên khoa học: ***Solognathus hardwickii*** Gray, 1830.

Tên Việt Nam: **Cá chìa vôi không vây đuôi**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **VU** A1a,c,d,e C1

Cơ sở phân hạng: Là loài cá có số lượng cá thể ít, phân bố rải rác. Nơi cư trú của chúng là vùng biển có nhiều rong, cỏ, san hô trong nhiều năm qua bị giảm nhiều do khai thác hải sản. Số lượng dự đoán dưới 10.000 cá thể trưởng thành và giảm ít nhất 10%/năm.

Phân bố:

- Trong nước: Vịnh Bắc Bộ đến Trung Bộ.

- Thế giới: Nhật Bản, Trung Quốc, Inđônêxia, Niu Dilân, Ấn Độ, Đông châu Phi.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 37, 52.

291. Tên khoa học: ***Syngnathus acus*** Linnaeus, 1758.

Tên Việt Nam: **Cá chìa vôi mõm nhọn**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **VU** A1c,d C1 + 2a

Cơ sở phân hạng: Là loài cá có số lượng ít, phân bố rải rác. Nơi cư trú là vùng nước có nhiều rong, cỏ biển. Do sự khai thác ngày càng tăng và sự phá huỷ môi trường sống bằng chất nổ, chất độc dẫn đến nơi cư trú bị thu hẹp và số lượng giảm, có nguy cơ bị tiêu diệt trong tương lai. Dự đoán số lượng dưới 10.000 cá thể trưởng thành và giảm ít nhất 10%/năm.

Phân bố:

- Trong nước: Rải rác từ vịnh Bắc Bộ đến vịnh Thái Lan

- Thế giới: Trung Quốc, Inđônêxia, Đông châu Phi, Đại Tây Dương, Địa Trung Hải.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 37, 52.

292. Tên khoa học: ***Trachryrhamphus serratus*** (Temminck &Schlegel, 1846).

Tên Việt Nam: **Cá chìa vôi mõm răng cưa**

Họ **Cá chìa vôi - Syngnathidae** *Bộ* **Cá gai - Gasterosteiformes**

Phân hạng: **VU** A1c,d,e C1

Cơ sở phân hạng: Là loài cá có số lượng ít, phân bố rải rác. Nơi cư trú là vùng nước có nhiều rong, cỏ biển. Do khai thác ngày càng tăng và sự phá huỷ môi trường bằng chất nổ, chất độc dẫn đến nơi cư trú bị thu hẹp và số lượng giảm có nguy cơ bị tiêu diệt. Dự đoán số lượng dưới 10.000 cá thể trưởng thành.

Phân bố:

- *Trong nước:* Dọc ven biển từ vịnh Bắc Bộ đến vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Xingapo, Thái Lan, Xri Lanca, Ấn Độ.

Tài liệu dẫn: 1, 7, 37, 52.

16. Bộ Cá vược - *Perciformes*

Họ Cá mú - *Serranidae*

293. Tên khoa học: ***Anyperodon leucogrammicus*** (Valenciennes, 1828).

Tên Việt Nam: **Cá mú sọc trắng**

Họ **Cá mú - Serranidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng : **VU** A1c,d B1+2c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô quý hiếm, sống thưa thớt, quần thể bị chia cắt thành từng mảng xa nhau (hiện mới phát hiện 4 điểm phân bố) 3/4 điểm phân bố là những vùng có san hô bị khai thác triệt để. Do đó loài này có nguy cơ bị đe doạ nghiêm trọng. Dự đoán quần thể dưới 10.000 cá thể trưởng thành, các tiểu quần thể đều dưới 1000 cá thể.

Phân bố:

- *Trong nước:* Quảng Ninh, Khánh Hoà, Kiên Giang, Trường Sa.

- *Thế giới:* Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, Ôxtrâylia, Biển Đỏ, Đông châu Phi.

Tài liệu dẫn: 5, 11, 18, 30.

294. Tên khoa học: ***Epinephelus tauvina*** (Forskal, 1775).

Tên Việt Nam: **Cá song mỡ**, Cá mú ruồi

Họ **Cá mú - Serranidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1c, d B2c,e

Cơ sở phân hạng: Loài cá tầng đáy có giá trị kinh tế cao, bị khai thác ngày càng nhiều dẫn đến số lượng suy giảm.

Phân bố:

- *Trong nước:* Các tỉnh ven biển Việt Nam, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Ôxtrâylia, Haoai, Inđônêxia, Malaixia, Nhật Bản, Philippin.

Tài liệu dẫn: 1,2, 18, 20.

295. Tên khoa học: ***Epinephelus undulatostriatus*** (Peters, 1876).

Tên Việt Nam: **Cá song vân giun**

Họ **Cá mú - Serranidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **CR** A1c,d B1+2c C2a

Cơ sở phân hạng : Loài cá san hô hiếm, mới bắt gặp ở vịnh Hạ Long, với diện tích nơi cư trú ước tính dưới 10km^2. Số lượng quần thể dự đoán dưới 250 cá thể trưởng thành và ngày càng giảm sút do đánh bắt tăng.

Phân bố:

- Trong nước: Quảng Ninh.

- Thế giới: Ôxtrâylia.

Tài liệu dẫn : 1,2,18, 20.

Họ Cá sạo - *Pomadasyidae*

296. Tên khoa học: ***Plectorhynchus flavomaculatus*** (Cuvier & Valenciennes, 1830).

Tên Việt Nam: **Cá kẽm chấm vàng**

Họ **Cá sạo - Pomadasyidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **EN** A1c,e B1+2c C2a

Cơ sở phân hạng: Là loài cá san hô rất hiếm, được phát hiện lần đầu tiên ở vùng biển Việt Nam, vùng phân bố hẹp nên dễ bị tiêu diệt. Số lượng quần thể dự đoán dưới 2500 cá thể trưởng thành. Vùng phân bố dưới 5000km^2, nơi cư trú dưới 500km^2.

Phân bố:

- Trong nước: Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo).

- Thế giới: Tây Thái Bình dương đến Biển Đỏ, Đông châu Phi.

Tài liệu dẫn: 1, 2, 5, 18, 47.

297. Tên khoa học: ***Plectorhynchus gibbosus*** (Lacepede, 1802).

Tên Việt Nam: **Cá kẽm mép vẩy đen**

Họ **Cá sạo - Pomadasyidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **CR** A1 c,e B1 +2cC2a

Cơ sở phân hạng: Là loài cá san hô rất hiếm, lần đầu tiên được phát hiện ở vùng đảo Cù Lao Chàm (100km^2), rất dễ bị tiêu diệt do đánh mìn và chất độc. Dự đoán số lượng quần thể dưới 250 cá thể trưởng thành.

Phân bố:

- Trong nước: Đà Nẵng (đảo Cù Lao Chàm).

- Thế giới: Nhật Bản, Trung Quốc, Samoa, Biển Đỏ, Ấn Độ, Đông châu Phi.

Tài liệu dẫn: 1, 2, 5, 18, 47.

Họ Cá đù - *Sciaenidae*

298. Tên khoa học: ***Otolithoides biauritus*** (Cantor, 1849).

Tên Việt Nam: **Cá đường**, Cá sủ giấy.

Họ **Cá đù - Sciaenidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1c,d

Cơ sở phân hạng: Có giá trị kinh tế và dùng trong y học, bị khai thác mạnh số lượng giảm sút.

Phân bố:

- Trong nước: Các tỉnh ven biển Việt Nam: vịnh Bắc Bộ và Đông Tây Nam Bộ.

- Thế giới: Ấn Độ, Xingapo, Inđônêxia (Sumatra, Borneo), Philippin, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 1,2, 18, 20.

Họ Cá bướm - *Chaetodontidae*

299. Tên khoa học: ***Centropyge bicolor*** (Bloch, 1787).

Tên Việt Nam: **Cá bướm hai mầu**.

Họ **Cá bướm - Chaetodontidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU**A1d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít. Đến nay rất hiếm. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Khánh Hoà, Trường Sa.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Inđônêxia, Malayxia, Philippin, Thái Lan, Đông Phi, Micronexia, Polynexia, Niu Calêđôni, Papua Niu Ghinê, Haoai.

Tài liệu dẫn: 8, 35, 42, 43, 44, 47, 49, 55.

300. Tên khoa học: ***Coradion chrysozonus*** (Cuvier &Valenciennes, 1831)

Tên Việt Nam: **Cá bướm bốn vằn**

Họ **Cá bướm - Chaetodontidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b +3c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Ven biển miền Trung, Đông Nam Bộ, vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa.

- *Thế giới:* Trung Quốc, Nhật Bản, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Philippin, Thái Lan.

Tài liệu dẫn: 8, 37, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 55.

301. Tên khoa học: ***Forcipiger longirostris*** (Broussonet, 1782).

Tên Việt Nam: **Cá bướm mõm dài**

Họ **Cá bướm - Chaetodontidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU**A1d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Khánh Hoà, vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Đông châu Phi, Biển Đỏ, Ấn Độ, Ấn Độ Dương, Inđônêxia, Haoai, Philippin, Thái Lan, Ôxtrâylia.

Tài liệu dẫn: 8, 35, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 55.

302. Tên khoa học: ***Parachaetodon ocellatus*** (Cuvier and Valenciennes, 1831).

Tên Việt Nam: **Cá bướm vằn**

Họ **Cá bướm - Chaetodontidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít, đến nay rất hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- Trong nước: Khánh Hoà.

- Thế giới: Trung Quốc, Nhật Bản, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Malaixia, Fiji, Polynexia, Papua Niu Ghinê, Ấn Độ, Xri Lanca, Philippin.

Tài liệu dẫn: 8, 35, 37, 43, 45, 46, 47, 55.

Họ Cá chim xanh - *Pomacanthidae*

303. Tên khoa học: ***Pomacanthus impertor*** (Bloch, 1787).

Tên Việt Nam: **Cá chim hoàng đế.**

Họ **Cá chim xanh - Pomacanthidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- Trong nước: Quảng Nam, Khánh Hoà (Trường Sa), Bình Thuận.

- Thế giới: Đông Phi, Biển Đỏ, Ôxtrâylia, Micronexia, Haoai, Nhật Bản, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 8, 35, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 52.

304. Tên khoa học: ***Pygoplites diacanthus*** (Boddaert, 1772).

Tên Việt Nam: **Cá chim xanh nắp mang tròn**

Họ **Cá chim xanh - Pomcanthidae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít. Đến nay đã rất hiếm. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- Trong nước: Khánh Hoà (Trường Sa).

- Thế giới: Đông Châu Phi, Biển Đỏ, Mauritius, Ôxtrâylia, Papua Niu Ghinê, Micronexia, Polynexia, Nhật Bản, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 8, 35, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 55.

Họ Cá bằng chài - *Labridae*

305. Tên khoa học: ***Bodianus axillaris*** (Bennett, 1831).

Tên Việt Nam: **Cá bằng chài axin**

Họ **Cá bằng chài - Labridae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b +3c

Cơ sở phân hạng: Là loài cá rạn san hô điển hình, nhưng số lượng rất ít, là đối tượng săn bắt. Hiện nay số lượng ít có nguy cơ bị tiêu diệt.

Phân bố:

- Trong nước: Ven biển miền Trung và quần đảo Trường Sa.

- Thế giới: Đông và Nam châu Phi, Biển Đỏ, Seychelles, Ấn Độ, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Micronexia, Philippin, Nhật Bản, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 9, 43, 47, 49.

306. Tên khoa học: ***Thalasoma lunare*** (Linnaeus, 1758).

Tên Việt Nam: **Cá bằng chài đầu đen**

Họ **Cá bằng chài - Labridae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b+3c

Cơ sở phân hạng: Là loài cá rạn san hô điển hình, màu sắc đẹp nhưng số lượng ít, là đối tượng săn bắt. Đến nay đã trở nên hiếm, có nguy cơ bị tiêu diệt.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, ven biển miền Trung, Đông Nam Bộ, vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa.

- *Thế giới:* Đông châu Phi, Biển Đỏ, Ấn Độ, Xri Lanca, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Niu Dilân, Micronexia, Malaixia, Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc.

Tài liệu dẫn: 9, 35, 45, 46, 49.

Họ Cá bống đen - *Eleotridae*

307. Tên khoa học : ***Bostrichthys sinensis*** Lacepede, 1802.

Tên Việt Nam: **Cá bống bớp**

Họ **Cá bống đen - Eleotridae** *Bộ* **Cá vược - Perciformes**

Phân hạng: **CR**.A1a, c, d E

Cơ sở phân hạng: Loài đứng đầu danh mục cá xuất khẩu tươi sống nên bị săn bắt rất triệt để, dự tính số lượng giảm tới trên 80%. Nơi cư trú giảm sút do rừng sú vẹt bị phá huỷ, mất môi trường sinh thái và ô nhiễm.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vùng biển ven bờ từ Quảng Ninh đến Kiên Giang.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Philippin, Inđônêxia, Thái Lan, Polynexia, Melanexia, Ôxtrâylia, Ấn Độ, Xri Lanca.

Tài liệu dẫn : 1, 9, 17, 23.

17. Bộ Cá mù làn - *Scorpaeniformes*

Họ Cá chào mào - *Triglidae*

308. Tên khoa học: ***Satyrichthys rieffeli*** (Raup, 1859).

Tên Việt Nam: **Cá chào mào gai**, Cá chai đỏ chấm

Họ **Cá chào mào - Triglidae** *Bộ* **Cá mù làn - Scorpaeniformes**

Phân hạng: **VU** B1D1

Cơ sở phân hạng: Loài cá quý hiếm, ít gặp. Sống sát đáy nên dễ bị lưới giã quét được. Dự đoán trong vùng biển Việt Nam có dưới 1000 cá thể trưởng thành ngày càng ít gặp, có nguy cơ giảm sút số lượng trong nhiều năm qua.

Phân bố:

- *Trong nước:* Bình Định, Khánh Hoà, Bình Thuận.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Ôxtrâylia.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 10, 23.

18. Bộ Cá nóc – *Tetraodontiformes*

Họ Cá bò giầy – *Monacanthidae*

309. Tên khoa học: ***Anacanthus barbatus*** Gray, 1830

Tên Việt Nam: **Cá bò râu**

Họ **Cá bò giầy - Monacanthidae** *Bộ* **Cá nóc - Tetraodontiformes**

Phân hạng: **EN** A1d D

Cơ sở phân hạng: Loài cá đáy rất hiếm. Những năm gần đây rất ít gặp. Có nguy cơ bị tuyệt chủng và rất khó có biện pháp để bảo vệ.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, vịnh Thái Lan.

- *Thế giới:* Ấn Độ Dương, Ôxtrâylia, Inđônêxia, Thái Lan, Trung Quốc, Malaixia, Philippin.

Tài liệu dẫn: 1, 10, 33, 35, 37, 42, 46.

310. Tên khoa học: ***Oxymonacanthus longirostris*** (Bloch and Schneider, 1801).

Tên Việt Nam: **Cá bò xanh hoa đỏ**

Họ **Cá bò giầy - Monacanthidae** *Bộ* **Cá nóc - Tetraodontiformes**

Phân hạng: **VU** A1d B2b, e

Cơ sở phân hạng: Loài cá rạn san hô điển hình, mầu sắc rất đẹp, nhưng số lượng rất ít. Có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vùng biển Miền Trung, quần đảo Trường Sa.

- *Thế giới:* Đông Châu Phi, Mauritius, Ôxtrâylia, Micronexia, Fiji, Papua Niu Ghinê, Nhật Bản, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Trung Quốc, Thái Lan.

Tài liệu dẫn: 1, 10, 33, 35, 42, 43, 44.

Họ Cá mặt trăng - *Molidae*

311. Tên khoa học: ***Masturus lanceolatus*** (Liénard, 1841).

Tên Việt Nam: **Cá mặt trăng đuôi nhọn**

Họ **Cá mặt trăng - Molidae** *Bộ* **Cá nóc - Tetraodontiformes**

Phân hạng: **EN** B1 D

Cơ sở phân hạng: Loài rất hiếm, dự đoán số lượng dưới 250 cá thể trưởng thành. Mới thu được một mẫu ở vùng biển Trung Bộ. Cần được bảo vệ nghiêm ngặt để tránh bị tuyệt chủng trong vùng biển Việt Nam.

Phân bố:

- *Trong nước:* Vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ.

- *Thế giới:* Nhật Bản, Trung Quốc, Philippin, Inđônêxia, Malaixia, Nam Châu Phi, Đại Tây Dương.

Tài liệu dẫn : 1, 2, 10, 37.